TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HSST
Ngày 02/04/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG
Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Thanh Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Ngô Hồng Khánh**
2. Bà **Lê Thị Hồng**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Phạm Lê Mai Ly** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà***:** Ông **Trần Minh Quang -** Kiểm sát viên.

Ngày 02/04/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/HSST ngày 10/02/2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Công T – Sinh ngày: 17/10/1994 tại Đà Nẵng. Nơi thường trú: Tổ 05, phường M, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện tại: Tổ 33, phường M, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 201698318, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Bùi Công L (Còn sống) và bà Trần Thị Thanh L (Còn sống). Bị cáo là con thứ 01 trong gia đình có 03 anh em. Bị cáo có vợ và hai người con, con lớn nhất sinh năm: 2017 và con nhỏ nhất sinh năm: 2021.

Tiền án: Năm 2023 bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng 09 ngày về tội "Cố ý gây thương tích" và 06 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng".

Tiền sự: Không.

Nhân Thân: - Năm 2014 bị Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích".

- Năm 2019 bị Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội " Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 06 năm 2024. Đến ngày 26/11/2024 tại Quyết định số:14/QĐ – VKSHV bị cáo được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Ông Đỗ T, sinh năm: 1974. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện Hoà

Vnag, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2023, thông qua quen biết, ông Đỗ T (sinh năm: 1974, trú tại: Thôn Đông Lâm, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng) có nhu cầu vay tiền nên Đỗ T liên hệ với Hiền L. Sau đó, Hiền L dẫn Đỗ T đến gặp Bùi Công T để vay tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/11/2023 đến ngày 04/02/2024, Đỗ T đã nhiều lần vay tiền của Bùi Công T từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, lãi suất là 05%/10 ngày, kỳ trả lãi 10 ngày kể từ ngày vay của khoản vay. Bùi Công T sử dụng tài khoản 909527979 ngân hàng MB Bank mình để chuyển tiền cho vay vào tài khoản của số 090545630 Ngân hàng Sacombank của ông Đỗ T. Đỗ T sử dụng tài khoản của mình để chuyển khoản trả tiền lãi cho Bùi Công T. Việc vay mượn tiền chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ. Do việc vay tiền không ấn định ngày kết thúc nên thời điểm tính lãi suất đến ngày cuối cùng là ngày bị hại trình báo Cơ quan Công an khi Bùi Công T đe dọa sẽ đến nhà ông Đỗ T quậy phá, ngày 10/6/2024.

Các khoản vay cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 14/11/2023 Đỗ T vay số tiền: 500.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 475.000.000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là: 25.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là: 209 ngày, số tiền vay: 500.00.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 522.500.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 57.260.274 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 465.239726 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 22/12/2023, vay số tiền **200.000.000** đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 190.000.000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là 10.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là: 171 ngày, số tiền vay: 200.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 171.000.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 18.739726 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 152.260274 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 02/01/2024: Vay số tiền: **500.000.000** đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 475.000.0000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là 25.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là: 160 ngày, số tiền vay: 500.00.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 400.000.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 43.835.616 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 256.164.384 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 12/0/12024, vay số tiền: **100.000.000** đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 95.000.000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là: 5.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là 150 ngày, số tiền vay: 100.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 75.000.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 8.219.178 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 66.780.822 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 24/01/2024, vay số tiền **500.000.000** đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 475.000.000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là: 25.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là 138 ngày, số tiền vay: 500.00.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 345.000.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 37.808.219 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 307.191.781 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 04/02/2024, vay số tiền: **300.000.000** đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 285.00.000 đồng (Đã trừ liền lãi 10 ngày đầu là: 15.000.000 đồng).

Số ngày vay đến ngày 10/6/2024 là 126 ngày, số tiền vay: 300.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là: 189.000.000 đồng.

Lãi suất tương ứng Nhà nước quy định là: 20.712.329 đồng

Tương ứng số tiền thu lợi bất chính: 168.287.761 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Đỗ Tư đã vay thực tế của Bùi Công T là **2.100.000.000** đồng với lãi suất là: 1.702.500.000 đồng.

Tiền lãi mà Đỗ T đã thực trả cho Bùi Công T theo kết quả sao kê từ ngân hàng là: 1.183.500.000 đồng.

Tiền lãi cao nhất theo mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là **186.575.342 đồng.**

Tiền lãi thực nhận mà Bùi Công T đã thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: **996.924.658 đồng**.

Tại bản cáo trạng số: 139/CT - VKS ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Bùi Công Tùng về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Bùi Công T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Công T từ: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 cây ba khúc màu đen, chiều dài lúc mở là 58cm. Đề nghị tuyên trả lại 01 con dao bầu bằng kim loại màu xám dài 37cm, cán do hình trụ tròn dài 18cm, được hàn chặt với lưỡi dao; 01 con dao dài 29cm, phần cán dài 11cm, được ốp gỗ hai bên, vỏ dao bằng gỗ dài 18cm cho bị cáo Bùi Công Tùng.

Về biện pháp tư pháp:

- Tổng các lần cho vay, số tiền gốc bị cáo bỏ ra là: 2.100.000.000 đồng. Bị cáo T đã chuyển cho ông Đỗ T vay. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc người bị hại ông Đỗ T phải nộp lại số tiền: 2.100.000.000 đồng của bị cáo T để sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền lãi tương ứng 20%/năm của tất cả các giao dịch là: 186.575.342 đồng. Số tiền này là phát sinh từ tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính của người bị hại ông Đỗ T là 996.924.658 đồng. Số tiền này bị cáo T phải trả lại cho ông Đỗ T. Tuy nhiên, tại phiên toà người bị hại ông Đỗ T yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ T là không yêu cầu bị cáo Bùi Công T phải trả lại số tiền: 996.924.658 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Công T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã đề cập. Bị cáo không có ý kiến về mặt tội danh cũng như điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo trình bày mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người đã tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm các ngày 30/12/2024 và 15/01/2025 bị cáo Bùi Công T không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù việc vay mượn tiền giữa ông Đỗ T và Bùi Công T chỉ thoả thuận miệng, không viết giấy tờ vay mượn không ghi lãi suất. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo khai đều khai nhận là sử dụng tài khoản số: 909527979 mở tại ngân hàng MB Bank của T để chuyển tiền cho vay vào tài khoản số 090545630 mở tại Ngân hàng Sacombank của người bị hại ông Đỗ T với số tiền cho vay là: 2.100.000.000 đồng và xác định ông Đỗ T còn nợ bị cáo số tiền 2.100.000.000 đồng, mới trả tiền lãi số tiền 40.000.000 đồng bằng tiền mặt với lãi suất là 05%/tháng. Chỉ đến khi ra phiên toà bị cáo mới thay đổi lại lời khai và cho rằng ông Đỗ T nợ bị cáo tổng số tiền: 2.100.000.000 đồng, ông Đỗ T chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo các lần với tổng số tiền 1.183.500.000 đồng là để trả tiền gốc và tiền lãi 05%/tháng theo thoả thuận nhưng giữa bị cáo và ông Đỗ T chưa ngồi đối chiếu với nhau được thì Cơ quan Công an triệu tập làm việc nên bị cáo mới khai ông Đỗ Tư nợ tổng tiền gốc 2.100.000.000 đồng vì chưa trừ tiền gốc ông Đỗ T chuyển trả nên bị cáo không biết ông Đỗ còn lại nợ tiền gốc là bao nhiêu.

Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũng đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ số tiền ông Đỗ T chuyển cho bị cáo T là tiền gì nhằm tránh làm oan người vô tội. Tuy nhiên, căn cứ vào tài khoản sao kê tại ngân hàng của bị cáo T chuyển cho ông Đỗ Tư vay thì thể hiện 06 lần bị cáo chuyển cho ông Đỗ T vay thì chuyển không đủ số tiền cho vay, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 14/11/2023 ông Đỗ T vay số tiền: 500.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông đỗ Tư số tiền: 475.000.000 đồng.

Lần Thứ hai: Ngày 22/12/2023 ông Đỗ Tư vay số tiền: 200.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 190.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 02/01/2024 ông Đỗ T vay số tiền: 500.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển tiền vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 475.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 12/01/2024 ông Đỗ T vay số tiền: 100.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 95.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 24/01/2024 ông Đỗ T vay số tiền: 500.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 475.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 04/02/2024, ông Đỗ T vay số tiền: 300.000.000 đồng, Bùi Công T chuyển vào tài khoản của ông Đỗ T số tiền: 285.000.000 đồng.

Chứng cứ này phù hợp với lời khai của người bị hại ông Đỗ T là bị cáo T cho ông Đỗ T vay với lãi suất 05%/10 ngày và mỗi lần chuyển tiền thì bị cáo T trừ tiền lãi 10 ngày đầu. Mặt khác, các lần ông Đỗ T chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo T tổng số tiền: 1.183.500.000 đồng mặc dù không ghi nội dung chuyển tiền nhưng thể hiện số tiền chuyển trả khớp với lời khai của ông Đỗ T là cứ 10 ngày chuyển trả lãi 05%/10 ngày.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay bị cáo Bùi Công T cũng thay đổi lời khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù

hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/2013 đến ngày 04/02/2024, trên địa bàn huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, bị cáo Bùi Công T đã có hành vi cho ông Đỗ T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhiều lần với lãi suất là 05%/10 ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm của khoản vay, tức gấp 9,125 lần so với mức tối đa được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà T đã thu được từ việc cho ông Đỗ T vay là: 996.924.658 đồng.

Như vậy, hành vi phạm tội này của bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như cáo trạng số: 139/CT - VKS ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý tài chính. Mức lãi suất bị cáo cho vay cao gấp hàng chục lần so với mức lãi suất tối đa Ngân hàng Nhà nước quy định. Bị cáo có 01 tiền án và nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội lần này của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự đồng ý của người vay, phần lớn các giao dịch đều xuất phát từ đề nghị của người vay. Mặc dù quá trình xét xử có lúc bị cáo khai báo quanh co chối tội nhưng tại phiên toà hôm nay bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Người bị hại tại phiên toà có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cũng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Mặt khác, đối với loại tội phạm này, ngoài việc chịu chế tài hình sự, bị cáo còn phải bị áp dụng các biện pháp tư pháp, thu toàn bộ tiền bỏ ra cho vay để sung công quỹ Nhà nước đồng thời buộc trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay. Do đó khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Công T năm 2023 bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng 09 ngày về tội "Cố ý gây thương tích" và 06 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng" chưa được xoá án tích. Do đó, đối với lần phạm tội này bị cáo Bùi Công T thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[6] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Bùi Công Tùng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung số tiền: 30.000.000 đồng đối với bị cáo Bùi Công T.

[7] Đối với người bị hại ông Đỗ T:

Đối với số tiền lãi mà bị cáo Bùi Công T đã thu vượt quá quy định của người bị hại ông Đỗ T số tiền: 996.924.658 đồng nên buộc bị cáo phải trả lại cho ông Đỗ T. Tuy nhiên, tại phiên toà người bị hại ông Đỗ T yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ T là không yêu cầu bị cáo Bùi Công T phải trả lại số tiền: 996.924.658 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên nên bị cáo Bùi Công T không phải trả lại cho ông Đỗ T số tiền: 996.924.658 đồng đã thu lợi bất chính.

Đối với số tiền gốc cho vay là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Số tiền lãi trong phạm vi 20%/năm là lãi suất được pháp luật thừa nhận nhưng xét đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Tổng các lần cho vay, số tiền gốc bị cáo bỏ ra là: 2.100.000.000 đồng và đã chuyển cho ông Đỗ T vay. Do đó cần buộc người bị hại ông Đỗ T phải nộp lại số tiền: 2.100.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[8.2] Số tiền lãi tương ứng 20%/năm của tất cả các giao dịch là: 186.575.342 đồng. Số tiền này là phát sinh từ tội phạm nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Do ông Đỗ T đã chuyển số tiền trả lãi trên cho bị cáo Bùi Công T nên buộc bị cáo Bùi Công T phải nộp lại số 186.575.342 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[**8.3**] Đối với số tiền bị cáo T thu lợi bất chính số tiền: 996.924.658 đồng của ông Đỗ T. Tại phiên toà người bị hại ông Đỗ T yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ T là không yêu cầu bị cáo Bùi Công T phải trả lại số tiền: 996.924.658 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên nên bị cáo Bùi Công T không phải trả lại cho ông Đỗ T số tiền: 996.924.658 đồng đã thu lợi bất chính.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 cây ba khúc màu đen, chiều dài lúc mở là 58cm tại phiên toà bị cáo Tùng khai sử dụng làm công cụ cho việc phạm tội nên tuyên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 con dao bầu bằng kim loại màu xám dài 37cm, cán do hình trụ tròn dài 18cm, được hàn chặt với lưỡi dao; 01 con dao dài 29cm, phần cán dài 11cm, được ốp gỗ hai bên, vỏ dao bằng gỗ dài 18cm thu giữ trong nhà của bị cáo Bùi Công T không liên quan đến hành vi phạm tôi nên tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Công T.

[**10**] Đối với các vấn đề khác:

- Đối với các bị hại và người có liên quan khác có liên quan đến bị cáo Bùi Công T, Cơ quan điều tra Công an huyện Hoà Vang đã uỷ thác điều tra cho các Cơ quan điều tra có liên quan để lấy lời khai của các bị hại và người liên quan này. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả nên khi nào có kết quả sẽ làm rõ xử lý sau là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với đối tượng tên V (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể) và Nguyễn H: Quá trình điều tra bị hại Đỗ T khai nhận trước khi vay tiền của bị can T thì có quen biết V bên ngoài xã hội, sau đó V giới thiệu Đỗ T cho Nguyễn H và chính H là người nói với Đỗ T muốn vay tiền thì liên hệ với Bùi Công T. Tuy nhiên, qua làm việc với Bùi Công T thì T khai nhận Hiền không liên quan đến việc vay tiền giữa Đỗ T và Bùi Công T. Đồng thời hiện Nguyễn H đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên đã ra Quyết định truy tìm, khi nào tìm được sẽ làm rõ xử lý sau là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Bùi Công T phải chịu: 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Công T phạm tội " *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Công T 07 (bảy) tháng tù (*bị cáo được trừ 05 (năm) tháng 16 (mười sáu) ngày bị tạm giam trước đó từ ngày 14 tháng 06 năm 2024 đến ngày 26 tháng 11 năm 2024*). Thời gian phạt tù còn lại bị cáo Bùi Công T còn phải chấp hành là: 01 (một) tháng 14 (mười bốn) ngày.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt giam ngày 02 tháng 04 năm 2025.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt tiền bị cáo Bùi Công T số tiền: 30.000.000 đồng.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự

- Buộc bị cáo Bùi Công T nộp lại số tiền: 186.575.342 đồng (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) để sung quỹ Nhà nước. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại ông Đỗ T là không yêu cầu bị cáo Bùi Công T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính: 996.924.658 đồng cho ông Đỗ T.

- Buộc người bị hại ông Đỗ T phải nộp lại số tiền: 2.100.000.000 đồng mà bị cáo Bùi Công T đã cho vay. Nộp lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng để sung công quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 cây ba khúc màu đen, chiều dài lúc mở là 58cm.

- Tuyên trả lại 01 con dao bầu bằng kim loại màu xám dài 37cm, cán do hình trụ tròn dài 18cm, được hàn chặt với lưỡi dao; 01 con dao dài 29cm, phần cán dài 11cm, được ốp gỗ hai bên, vỏ dao bằng gỗ dài 18cm thu giữ của bị cáo Bùi Công Tùng.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2024.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Công T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thanh Phúc

- Tòa án TP Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang
- PHSNV công an huyện Hòa Vang;
- Chi cục THA huyện Hòa Vang
- Những người Tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ